

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân và bà Đinh Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:126/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 - 4 - 2025 về: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-6-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đại S, sinh năm 19xx; số CCCD 015093003354, cấp ngày 18-12-2024, nơi cấp: Bộ C; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 19xx; số định danh cá nhân: 025197011757; địa chỉ: Thôn V, xã V (xã V cũ), thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(anh S, chị H vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đại S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27-11-2014 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, chị H không chịu làm ăn, nợ nhiều dẫn đến không trả được, mục đích chị H vay tiền để chi tiêu cá nhân, anh S nhắc nhở chị H nhiều lần nhưng chị H không thay đổi mà còn xúc phạm anh, đến khoảng tháng 9 năm 2018 chị H đã bỏ nhà đi cho đến nay. Hiện chị H ở đâu, làm gì chị H không cho anh biết. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ

chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H .

- Về nuôi con: Anh và chị H không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 13 tháng 5 năm 2025 bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh S trình bày là đúng. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị và anh S đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm đã hết chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con: Chị và anh S không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Đại S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim H;

- Về án phí: Các đương sự thống nhất ly hôn, nên đều phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn”; bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H có nơi cư trú tại: Thôn V, xã V (xã V cũ), thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đại S, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đại S và chị Nguyễn Thị Kim H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 27-11-2015 là hôn nhân hợp pháp. Anh S, chị H đều thừa nhận có mâu thuẫn, đã khắc phục nhưng không thành, nên không thể chung sống với nhau được và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo hòa giải, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng chị H không đến Tòa án để giải quyết, nên Tòa án không tiến hành hòa giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự được. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Đại S và chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn.

[3] Về nuôi con: Anh S, chị H không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do các đương sự đều thống nhất việc ly hôn nên mỗi đương sự phải chịu 25% án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là $300.000 \text{ đồng} \times 25\% = 75.000 \text{ đồng}$.

[6] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30

12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đại S được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đại S phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0001679 ngày 14-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, anh S đã nộp đủ và được trả lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) chưa nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Thịnh, h. Yên Bình;
- Lưu HS; TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Độ